

PHỤ LỤC 2: LÔ 2 - DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG THANH LÝ LẦN 1 NĂM 2025 CỦA CÔNG TY

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
A	Danh mục VTTB tồn kho thanh lý NMTĐ Bán Chát					2.875,99
1	2.05.80.030.000.00.DXX	Thép vụn các loại hư hỏng	Kg	Kho Bán Chát	100,00	100,00
2	2.60.81.000.000.00.DXX	Gioăng đồng cánh hướng nước chiều dài 383 mm hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	24,00	24,00
3	2.60.81.001.000.00.DXX	Nẹp giữ cho gioăng đồng (số lượng 24 bộ tương đương 92 cái) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	92,00	130,00
4	2.60.81.002.000.00.DXX	Gioăng đồng cánh hướng nước chiều dài 258mm hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	24,00	17,00
5	2.90.00.027.000.00.DXX	Cổng xếp Inox tự động (Chiều cao 1.6 mét; Vật liệu Inox304) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	177,00
5.1	2.90.00.027.000.00.DXX	Vật liệu Inox 304	Kg			176,00
5.2	2.90.00.027.000.00.DXX	Bảng mạch điện tử điều khiển	Kg			
6	3.15.10.020.000.00.DXX	Dây điện từ IPEW, đường kính 1,0 mm hư hỏng	Kg	Kho Bán Chát	5,25	5,25
7	3.15.10.025.000.00.DXX	Dây điện từ IPEW, đường kính 0,75mm hư hỏng	Kg	Kho Bán Chát	1,60	1,60
8	3.34.07.004.000.00.DXX	Công tắc điện hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	5,00	0,10
9	3.34.15.001.000.00.DXX	Công tắc hành trình (Loại INO+1NC, tác động dạng cần gạt) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	5,00	5,50
10	3.34.25.001.000.00.DXX	Công tắc áp lực H100-703 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	1,20
11	3.42.74.002.000.00.DXX	Bộ điều hòa hỏng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	
11.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			0,90
11.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			28,00
11.3		Vật liệu bằng nhựa	Kg			6,10
12	3.46.15.139.000.00.DXX	Aptomat 10A hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
13	3.46.15.157.000.00.DXX	Rơ le thời gian (Kiểu loại: CT-ERS) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,15
14	3.46.15.158.000.00.DXX	Rơ le trung gian (Kiểu loại: CR-U220DC3L, gồm cả chân đế) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	10,00	1,10
15	3.46.15.159.000.01.DXX	Rơ le trung gian (Kiểu loại: DZ-6 3Z, gồm cả chân đế) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	4,00	0,30
16	3.46.33.043.000.00.DXX	Contactơ 1; Model SD-N21 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	6,00	2,70
17	3.46.33.044.000.00.DXX	Contactơ 2; Model SRD-N8JV hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,90
18	3.46.95.090.000.00.DXX	Aptomat hư hỏng không rõ mã hiệu (Vật liệu bằng nhựa)	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
19	3.50.76.014.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực loại Y100 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,10
20	3.50.90.011.000.00.DXX	Rơ le lưu lượng (Kiểu loại FCS-G1/2A4P-VRX/ 24VDC; Tiếp điểm đầu ra 1NO+1NC; 250Vac/60Vdc; 4A) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	4,00	0,30

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
21	3.50.90.016.000.00.DXX	Rơ le báo mức nước côn hút (Kiểu loại EFB-1400; Tiếp điểm từ kiểu SPST NO (1NO; Thông số tiếp điểm 1A/30W/200Vdc/240Vac) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	4,00	0,10
22	3.50.90.047.000.00.DXX	Rơ le lưu lượng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,30
23	3.56.10.064.000.00.DXX	Bộ chỉnh lưu DZY-48/30H hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	4,80
24	3.62.50.001.000.00.DXX	Đồng hồ đo áp lực khí SF6 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,80
25	3.63.65.013.000.00.DXX	Chụp đèn cầu hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	4,00	1,40
26	3.66.36.017.000.00.DXX	Bộ đèn trần tròn hư hỏng (Vật liệu bằng nhựa)	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,30
27	3.66.36.018.000.00.DXX	Bộ đèn chiếu biển hư hỏng (Vật liệu bằng sắt, thép)	Cái	Kho Bán Chát	4,00	4,90
28	3.66.56.008.000.00.DXX	Máng đèn T8 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	4,00	0,20
29	3.66.56.009.000.00.DXX	Máng đèn Led kín nước T8 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	4,00	0,20
30	3.66.85.020.000.00.DXX	Dây đèn led hư hỏng (Vật liệu bằng nhựa)	Mét	Kho Bán Chát	32,00	-
31	3.80.72.006.000.00.DXX	Bộ chuyển đổi điện áp dùng cho đèn led hư hỏng (Vật liệu bằng nhựa)	Cái	Kho Bán Chát	6,00	0,40
32	3.80.88.953.000.00.DXX	Camera cố định hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,50
33	3.80.88.958.000.00.DXX	Bộ chuyển đổi quang điện hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	2,00	0,20
34	3.82.03.177.000.00.DXX	Module giám sát hồng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	12,00	1,00
35	3.82.03.178.000.00.DXX	Module điều khiển hồng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	1,00
36	3.82.03.185.000.00.DXX	Module điều khiển cứu hỏa hồng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	12,00	1,00
37	3.82.03.507.000.00.DXX	Module DI kiểu loại IB IL 24DI8/HD-PAC hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,05
38	3.82.63.058.000.00.DXX	Đồng hồ giám sát nhiệt độ (XMT604B) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
39	3.88.06.016.000.00.DXX	Điều hòa kho lạnh 18.000 BTU hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	2,00	
39.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			4,80
39.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			49,00
39.3		Vật liệu bằng nhựa	Kg			22,20
40	3.90.67.001.000.00.DXX	Hộp số quạt trần hư hỏng	Kg	Kho Bán Chát	1,50	1,50
41	3.94.00.166.000.00.DXX	Màn hình cảm ứng (Kiểu loại MT4300C; Thông số kỹ thuật Điện áp nguồn 24Vdc) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	-
42	3.94.00.184.000.00.DXX	Máy hút ẩm không khí hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	3,00	15,00

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
43	3.96.13.016.000.00.DXX	Màn hình cảm ứng điều tốc; Mã hiệu PV104-TNT4A F2R1 hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	1,00	1,50
44	4.49.20.225.000.00.DXX	Bu lông lục giác chìm đầu trụ M12x25 hư hỏng	Kg	Kho Bản Chất	14,00	14,00
45	4.84.04.011.000.00.DXX	Khóa cửa cũ, hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	13,00	3,50
46	4.90.21.107.000.00.DXX	Ống nhựa mềm lõi thép Phi 75 hư hỏng	Mét	Kho Bản Chất	6,00	1,00
47	4.90.80.040.000.00.DXX	Đường ống mềm hệ thống cứu hỏa CO2 hư hỏng	Dây	Kho Bản Chất	40,00	11,00
48	4.90.80.404.VIE.00.DXX	Xi phông hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	6,00	1,90
49	4.90.80.408.VIE.00.DXX	Vòi chậu hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	4,00	1,80
50	4.96.80.120.000.00.DXX	Bộ Máy tính bàn Dell Vostro 3800 (Màn hình + Cây) hư hỏng	Bộ	Kho Bản Chất	1,00	3,20
51	4.96.80.140.VIE.00.DXX	Dây cáp lên vòi chậu hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	6,00	2,20
52	4.96.80.190.000.00.DXX	Phao nhựa hư hỏng (Vật liệu bằng nhựa)	Cái	Kho Bản Chất	24,00	4,90
53	5.01.04.049.000.00.DXX	Vòng bi (Kiểu loại 6206-2Z) hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	8,00	2,70
54	5.01.04.054.000.00.DXX	Vòng bi (Đường kính trong 35mm; Đường kính ngoài 80mm; Độ dày 21mm) hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Bản Chất	1,00	0,40
55	5.01.04.055.000.00.DXX	Vòng bi (Kiểu loại: 6218zz; Đường kính trong: 90mm; Đường kính ngoài: 160mm; Độ dày vòng bi: 30mm) hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Bản Chất	1,00	0,50
56	5.01.04.161.000.00.DXX	Vòng bi (Kiểu loại 6208-2Z) hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	8,00	1,30
57	5.03.96.023.000.00.DXX	Vòng bi 6317 hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	1,00	4,00
58	5.03.96.024.000.00.DXX	Vòng bi 6320 hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	1,00	7,00
59	5.03.96.026.000.00.DXX	Vòng bi 6314 hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	1,00	3,50
60	5.18.21.006.000.00.DXX	Quạt trần hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	2,00	13,00
61	5.18.26.001.000.00.DXX	Cuộn van điện từ chốt secsvo (Loại van 4 công, 2 ngăn, Pmax = 320Bar; Qmax 150l/min; Cuộn hút điện từ đi kèm (2 cái); Kiểu loại: C31 - D220 K1/20; Điện áp: 220Vdc; 0,21A) hư hỏng	Bộ	Kho Bản Chất	1,00	0,80
62	5.18.36.000.000.00.DXX	Động cơ điện Monoray (Động cơ điện 3 pha, 13kW; Điện áp định mức 380VAC; 50Hz; Tốc độ: 1400rpm; Dòng điện: 30A (loại động cơ 2 đầu lắp hộp giảm tốc) hư hỏng không rõ mã hiệu)	Cái	Kho Bản Chất	1,00	
62.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			2,50
62.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			263,50
63	5.18.36.014.000.00.DXX	Động cơ Phanh ED-50/6 hư hỏng	Cái	Kho Bản Chất	1,00	19,00

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
64	5.19.90.013.CHN.00.DXX	Van bi tay gạt loại 3/4"; PN16 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,50
65	5.19.90.014.000.00.DXX	Van cầu DN65; PN 1,6 Mpa hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	13,00
66	5.19.90.014.CHN.00.DXX	Van bi tay gạt loại 1/2"; PN16 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,40
67	5.19.90.025.000.00.DXX	Van chặn loại DN25; PN16 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	6,00
68	5.19.90.079.000.00.DXX	Van góc trụ cứu hỏa DN50 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	5,00	5,00
69	5.19.90.080.000.00.DXX	Van điện CENTORK model 480, 015B, DN50 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	30,00
70	5.19.90.086.000.00.DXX	Van điện bộ lọc QT10-1; 25W hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	20,00
71	5.20.83.366.000.00.DXX	Mô tơ lên xuống kính xe ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,80
72	5.20.83.367.000.00.DXX	Két nước xe ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	6,00
73	5.20.83.368.000.00.DXX	Má phanh trước xe ô tô hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,50
74	5.20.83.369.000.00.DXX	Má phanh sau xe ô tô hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,50
75	5.20.83.370.000.00.DXX	Vòng bi xe ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,20
76	5.20.83.371.000.00.DXX	Dây đi số ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,10
77	5.20.83.372.000.00.DXX	Gạt mưa ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,10
78	5.20.83.372.000.01.DXX	Dây số ô tô hư hỏng (Vật liệu sắt, thép)	Cái	Kho Bán Chát	2,00	1,20
79	5.20.83.373.000.00.DXX	Còi điện xe ô tô hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,30
80	5.20.83.374.000.00.DXX	Blu phanh xe ô tô hư hỏng (Vật liệu bằng sắt, thép)	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,90
81	5.20.83.375.000.00.DXX	Gạt mưa trước xe ô tô hư hỏng (Vật liệu bằng nhựa)	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,20
82	5.20.83.376.000.00.DXX	Má phanh sau xe ô tô hư hỏng (Vật liệu sắt, thép)	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,10
83	5.20.83.377.000.00.DXX	Dây đi số xe ô tô hư hỏng (Vật liệu sắt, thép)	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,80
84	5.30.77.046.000.00.DXX	Bộ biến đổi nguồn; Mã hiệu QUINT-PS/1AC/24DC/10 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	1,00
85	5.30.77.104.000.00.DXX	Cảm biến nhiệt độ secmang hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,20
86	5.30.77.205.000.00.DXX	Cảm biến áp lực mã hiệu MPM426W hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	3,00

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
87	5.37.86.800.000.00.DXX	Màn hình Diesel hỏng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,80
88	5.50.20.100.000.00.DXX	Bộ nguồn MINI hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,40
89	5.51.40.004.000.00.DXX	Cảm biến chốt cắt hỏng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	21,00	0,60
90	5.51.85.106.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,20
91	5.60.01.001.000.00.DXX	Trục bơm rò rỉ 2A hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	13,00
92	5.60.91.042.000.00.DXX	Bơm vét nước nắp tua bin hư hỏng không rõ mã hiệu do hạn gỉ	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	130,00
93	5.76.60.002.000.00.DXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây (Kiểu loại: KHWD-3K306RD) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,70
94	5.76.60.003.000.00.DXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây (Kiểu loại LD-B10-220F) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,50
95	5.86.90.091.000.00.DXX	Block máy của Cano (Mã hiệu 879885Q, gồm các chi tiết như vỏ máy, nắp dây, bánh răng, trục cam) hư hỏng không sử dụng được (Vật liệu chính cấu thành bằng sắt, thép)	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	72,00
96	5.96.00.023.000.00.DXX	Thiết bị đo nghiêng trong hố khoan (Model C12-1.2, Soil Instrument /Anh; Phụ kiện dây cáp tín hiệu) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	16,00	
96.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			9,00
96.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			26,00
97	5.96.00.024.000.00.DXX	Thiết bị giãn kế Rod Extensometer (Model 4450, Geokon/ Mỹ) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	9,00	1,50
98	5.96.00.025.000.00.DXX	Bộ ghép kênh Multiplexer (Model RTX-248A, Roctest/ Canada; Phụ kiện Hộp bảo vệ và cáp tín hiệu) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	9,00	82,50
98.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			31,00
98.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			45,00
98.3		Vật liệu bằng linh kiện điện tử	Kg			
99	5.96.00.026.000.00.DXX	Máy đo nghiêng trong hố khoan (Model GK604, Geokon /Mỹ) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	
99.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			3,00
99.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			7,00
100	5.96.00.027.000.00.DXX	Gia tốc kế chuyển động mạnh Model: Guralp Phụ kiện: ăn ten GPS, ắc quy 12v 5Ah và bộ đổi nguồn AC-DC hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	5,30
100.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			0,30
100.2		Vật liệu bằng linh kiện điện tử	Kg			
101	5.98.00.028.000.00.DXX	Máy tính giám sát (Model ProLiant ML110, HP /Malaysia) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	
101.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			2,00
101.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			14,00
102	5.98.00.168.000.00.DXX	Đồng hồ lưu lượng (Mã hiệu Optiflux2100C - DN300 mm/12inh) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	59,00
103	5.98.00.171.000.00.DXX	Đầu cảm biến báo khói hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	21,00	1,60
104	5.98.00.182.000.00.DXX	Đầu cảm biến báo nhiệt hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	11,00	0,80

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
105	5.98.00.223.000.00.DXX	Bánh xe đẩy hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	3,00	0,30
106	8.10.86.002.000.00.DXX	Dao tông (Lưỡi: 27 cm; Cán: 13 cm; Rộng: 7 cm; Độ dày: 0,4) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,30
107	8.75.70.018.000.00.DXX	Đèn pin; Model LD32UVC/Fenix hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,30
108	8.88.00.172.000.00.DXX	Súng bắn silicon (hồng nhiễm sơn và silicon) hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	2,00	0,20
109	8.88.00.195.000.00.DXX	Bộ Bếp ga + Van hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	3,00	16,00
110	8.98.05.001.000.00.DXX	Máy tính xách tay; Mã hiệu Latitude 5420 hư hỏng không sử dụng được	Cái	Kho Bán Chát	1,00	1,54
111	5.18.21.001.000.00.DXX	Quạt trần loại 3 cánh 5 số hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	3,80
112	4.88.40.019.000.00.DXX	Camera quan sát DS-2CE10DF3T-F hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,90
113	3.96.13.001.000.00.DXX	Bộ chuyển đổi tín hiệu dây rung hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	5,00	0,50
114	8.88.00.130.000.00.DXX	Mặt nạ hàn tối tự động TSP9306/ Total hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,50
115	8.88.00.132.000.00.DXX	Can nhựa 20 lít đựng xăng hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	5,00	0,50
116	3.94.02.054.000.00.DXX	Màn hình 55 inch hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	
116.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			1,00
116.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			50,00
117	5.18.26.011.000.00.DXX	Bộ sấy SK A-130 hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	5,00
118	5.98.00.036.000.00.DXX	Bộ lọc khí QAF hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	2,00	1,20
119	3.94.02.072.000.00.DXX	Điện thoại hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
120	3.80.88.503.000.00.DXX	Màn hình MT4300C hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	1,00
121	3.86.75.016.000.00.DXX	Bộ lưu trữ điện hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	2,00	2,50
122	3.94.02.095.000.00.DXX	Bộ Router 3500/94 hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	0,50
123	3.94.00.185.000.00.DXX	Màn hình máy tính (2 màn của trạm VH số 2, 4 màn thay thế của các chức danh VH)	Cái	Kho Bán Chát	6,00	18,00
124	3.94.00.188.000.00.DXX	Cây máy tính (4 cây thay thế của các chức danh VH) hư hỏng không rõ mã hiệu	Bộ	Kho Bán Chát	4,00	15,00
125	5.19.90.270.000.00.DXX	Van điện từ xả tải; mã hiệu 54774302 REV hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
126	8.88.00.120.000.00.DXX	Đèn pin hỏng hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Bán Chát	4,00	0,70

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
127	8.75.70.013.000.00.DXX	Máy bộ đàm hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Bán Chát	6,00	2,00
128	8.86.00.020.000.00.DXX	Bút thử điện hạ áp hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	10,00	0,10
129	8.86.00.021.000.00.DXX	Bộ tuavit (6 cái) hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,00
130	8.86.00.022.000.00.DXX	Chuột máy tính không dây hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,10
131	8.86.00.023.000.00.DXX	Xạc Pin cho đèn X100 hư hỏng	Cái	Kho Bán Chát	1,00	0,20
132	8.86.00.024.000.00.DXX	Máy sạc ắc quy tự động Bosch C7 hư hỏng	Bộ	Kho Bán Chát	1,00	1,00
133	3.15.10.039.000.00.DXX	Dây điện từ IPEW, đường kính 0,75 mm hư hỏng	Kg	Kho Huội Quảng	8,30	8,30
134	4.88.85.057.000.00.DXX	Gioăng cao su khe co nhiệt (Kích thước Rộng x Dày: 150x10 mm; Tổng chiều dài 341,4 mét)	Kg	Kho Bán Chát	990,00	990,00
B	Danh mục VTTB tồn kho thanh lý NMTĐ Huội Quảng					1.923,79
1	1.26.26.001.000.00.DXX	Vỏ bình khí SF6 hư hỏng	Chai	Kho Huội Quảng	1,00	48,00
2	2.05.66.013.000.00.DXX	Cáp cấp nguồn loại ZC/VV 3x2.5 mm2 hư hỏng	Mét	Kho Huội Quảng	85,00	
2.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			3,00
2.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			13,00
3	2.42.01.019.000.00.DXX	Bao che vành góp tĩnh	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00
4	2.60.81.005.000.00.DXX	Gioăng đồng làm kín vành đỡ dưới với cánh hướng hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	24,00	15,00
5	2.60.81.006.000.00.DXX	Gioăng đồng làm kín vành đỡ trên với cánh hướng hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	24,00	15,00
6	2.90.00.130.000.00.DXX	Vòi rửa bát nóng lạnh hư hỏng (Vật liệu sắt thép)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,60
7	2.90.00.131.000.00.DXX	Dây dẫn nước chịu nhiệt hư hỏng (Vật liệu sắt thép)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,02
8	2.90.00.152.000.00.DXX	Cáp tải thang máy gồm 04 sợi; Cáp thép 8 x19 Filler + lõi sợi (Mã hiệu 8xS19+FC) hư hỏng	Kg	Kho Huội Quảng	50,00	50,00
9	2.90.00.253.000.00.DXX	Vòng khóa chốt piston kích thước Ø30 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
10	2.90.00.254.000.00.DXX	Vòng chặn bằng thép Ø13 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
11	3.01.00.001.000.00.DXX	Sứ chân đế chống sét van hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	2,00	
11.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			50,00
11.2		Vật liệu bằng sứ	Kg			26,00
12	3.02.75.030.000.00.DXX	Dây tiếp địa hư hỏng loại phi 6mm	Mét	Kho Huội Quảng	3,00	0,20
13	3.02.75.036.000.00.DXX	Cáp tiếp địa hư hỏng (Thực tế nhập kho là Dây đồng trần 1x4,0 mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	35,00	3,00

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
14	3.15.14.013.000.00.DXX	Dây điện Cu/PVC/PVC - 2x1,5 mm2 hư hỏng	Mét	Kho Huội Quảng	41,00	2,00
15	3.15.14.014.000.00.DXX	Dây điện Cu/PVC/PVC - 2x4,0mm2 hư hỏng	Mét	Kho Huội Quảng	38,00	3,00
16	3.15.58.040.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cáp điện 4x1.5 mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	15,00	6,00
17	3.15.58.041.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cáp điện 14x1.5mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	15,00	20,00
18	3.15.58.045.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cáp điện 2x4 mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	15,00	5,00
19	3.15.58.046.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cáp điện 19x1.5 mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	21,00	15,00
20	3.15.58.047.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cáp điện 8x1.5 mm2)	Mét	Kho Huội Quảng	17,00	16,00
21	3.20.31.077.000.00.DXX	Hàng kẹp hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Hàng kẹp UK5N)	Cái	Kho Huội Quảng	30,00	0,10
22	3.30.20.104.000.00.DXX	Giá đỡ chổi than hư hỏng	Chiếc	Kho Huội Quảng	49,00	24,00
23	3.34.06.024.000.00.DXX	Nút ấn màu xanh hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
24	3.34.15.078.000.00.DXX	Công tắc hành trình hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Công tắc hành trình AZ7141)	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,01
25	3.34.25.010.000.00.DXX	Đầu báo cháy FSI-851 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
26	3.34.25.011.000.00.DXX	Temperature sensor, Cảm biến nhiệt độ ổ hướng trên 902050/20, Pt100, L=160 mm, chiều dài dây 10 mét hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
27	3.34.50.003.000.00.DXX	Khóa chuyển đổi 02 vị trí không tự giữ ZB2-BE101C hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
28	3.34.55.013.000.00.DXX	Khóa điều khiển 3 vị trí không tự giữ ZB2-BD5C + ZB2-BE101C hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
29	3.34.55.014.000.00.DXX	Khóa điều khiển 3 vị trí không tự giữ ZB2-BD5C + ZB2-BE101C hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
30	3.34.60.007.000.00.DXX	Khóa điều khiển 2 vị trí CA10; 220VAC hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
31	3.42.74.003.000.00.DXX	Điều hòa nhiệt độ; mã hiệu CU-CK9QKH-8; công suất 1,03Kw hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	30,00
32	3.42.76.030.000.00.DXX	Bộ dò khí SF6; LS 3000 B của máy cắt SF6 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
33	3.42.76.032.000.00.DXX	Công tắc tơ A40D-30-1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
34	3.46.09.000.000.00.DXX	Aptomat mã hiệu BKN C25, 3 pha, 400VAC hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
35	3.46.15.159.000.00.DXX	Áp tô mát mã hiệu TM250D NSX 250F hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
36	3.46.15.160.000.01.DXX	Aptomat loại 40A hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
37	3.50.17.000.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp RM22TR33 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,10
38	3.50.17.001.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp RM4TG20 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,10
39	3.50.17.014.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	6,00	0,30
40	3.50.17.043.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp; model RM22TR33 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
41	3.50.40.152.000.00.DXX	Rơ le trung gian + chân đế hư hỏng (Rơ le trung gian loại 4NO + 4NC)	Cái	Kho Huội Quảng	23,00	2,00
42	3.50.40.153.000.00.DXX	Rơ le trung gian + chân đế hư hỏng (Rơ le trung gian loại 4NO + 4NC)	Cái	Kho Huội Quảng	10,00	1,00
43	3.50.46.003.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp H3DKZ-A2; NSX: OMRON hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
44	3.50.68.030.000.00.DXX	Cảm biến nhiệt độ PT100 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,10
45	3.50.72.011.000.00.DXX	Công tắc báo mức nước FD-D-EM-4-S3-3-0345 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	1,00
46	3.50.72.023.000.01.DXX	Rơ le báo mức nước ống côn NQ1000 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
47	3.50.76.014.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực loại Y100 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	12,00	1,20
48	3.50.76.015.000.00.DXX	Đồng hồ đo áp lực dầu 0~ 1,6MPa hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
49	3.50.76.016.000.00.DXX	Rơ le áp lực hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Rơ le áp lực H100-706)	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	4,00
50	3.50.76.017.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực MC01060005; 0~10 Mpa hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
51	3.50.76.018.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực 0~ 1,6MPa, YTHN-100.AO.531.M140.M20 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
52	3.50.76.019.000.00.DXX	Đồng hồ đo áp lực khí SF6 MTK-01; 0,1~ 0,9Mpa hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
53	3.50.76.020.000.00.DXX	Đồng hồ đo áp lực (0,1-0,3 MPa); CCX: 1,5 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
54	3.50.90.033.000.00.DXX	Chân đế rơ le RXZE25114M; 250V-10A hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	12,00	0,50
55	3.52.01.026.000.00.DXX	Bộ chuyển đổi video sang quang hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
56	3.52.01.026.000.01.DXX	Bộ chuyển đổi tín hiệu điện áp hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
57	3.52.01.027.000.00.DXX	Bộ biến đổi đo lường dòng điện SMIV100m hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
58	3.53.12.251.000.00.DXX	Biến dòng SMD05EFE-24/S40-5KV hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
59	3.53.15.020.000.01.DXX	Biến dòng điện kích từ H1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
60	3.56.10.013.000.00.DXX	Bộ biến đổi nguồn SBJC-Z050 I2CD hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
61	3.56.10.014.000.00.DXX	Bộ biến đổi nguồn SBJC-Z10024CD hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
62	3.56.10.015.000.00.DXX	Bộ biến đổi nguồn hư hỏng không rõ mã hiệu	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
63	3.62.50.009.000.00.DXX	Đồng hồ Mã hiệu ACR220EL hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
64	3.62.90.034.000.00.DXX	Đồng hồ hiển thị độ mở SAIL-DE-821-2-0-1-A-DC24 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
65	3.62.90.035.000.00.DXX	Đồng hồ hiển thị độ mở cánh hướng SAIL-JLK-5-80-4-20mA hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
66	3.62.95.012.000.00.DXX	Vỏ tủ điều khiển điều khiển Dao cách ly hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	43,00
67	3.66.56.042.000.00.DXX	Rơ le giám sát điện áp simen sirius 3UG4615-1CR20 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,20
68	3.80.42.009.000.00.DXX	Cáp điện hư hỏng không rõ mã hiệu	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,50
69	3.80.42.012.000.00.DXX	Cáp mạng RJ45 hư hỏng	Mét	Kho Huội Quảng	30,00	2,00
70	3.80.42.030.000.00.DXX	Cáp nối điều khiển TSXCDP103 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
71	3.80.88.026.000.00.DXX	Màn hình máy tính HP hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	1,00
72	3.80.88.135.000.00.DXX	Camera HIKVISION DS-2CE19H18 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	3,00	0,50
73	3.80.88.183.000.00.DXX	Cảm biến chốt cắt cánh hướng hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,10
74	3.80.88.188.000.00.DXX	Nút nhấn báo cháy Notifier BG-12LX hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,20
75	3.80.88.204.000.00.DXX	Quạt làm mát tủ điện điều khiển hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
76	3.80.88.343.000.01.DXX	Cảm biến chênh áp vi sai bộ lọc hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	1,00
77	3.80.88.414.000.00.DXX	Chuông báo cháy; Mã hiệu SSM24-6 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	1,00
78	3.80.88.701.000.00.DXX	Cáp kết nối PLC hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
79	3.80.88.702.000.00.DXX	Cáp kết nối 7 lõi RKT-8-82 hư hỏng	Mét	Kho Huội Quảng	70,00	0,20
80	3.82.03.150.000.00.DXX	Module cho đầu báo cháy; Mã hiệu FZM-1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
81	3.82.04.042.000.00.DXX	Module giám sát điện áp kích từ hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Module giám sát điện áp kích từ Power: 85~265VAC/DC)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
82	3.82.04.043.000.00.DXX	Module analog inputs X20AI4632-1 hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Module analog inputs X20AI4632-1)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
83	3.82.63.054.000.00.DXX	Màn hình khởi động mềm MHI TM16032ADCW6 P-2 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
84	3.86.75.010.000.00.DXX	Bộ UPS điều khiển van đầu vào (Santak on-line 1KVA; Mode C1K) hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	12,00
85	3.86.75.011.000.00.DXX	Bộ UPS Castle; CasTLE2K (6G) điều khiển bơm hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	17,00
86	3.93.06.001.000.00.DXX	Mudule cấu hóa FCM-1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	10,00	0,50
87	3.96.11.003.000.00.DXX	Cảm biến áp lực hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cảm biến áp lực V6GP9PJ2G2F3Z0M1)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	1,00
88	3.96.13.007.000.00.DXX	Cảm biến ánh sáng hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	6,00	0,30
89	3.96.13.010.000.00.DXX	Đầu báo khói, báo nhiệt hỏng hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	80,00	1,20
90	3.96.13.131.000.00.DXX	Cảm biến lưu lượng hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Cảm biến lưu lượng TFS 10)	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	2,00
91	4.35.08.000.000.00.DXX	Bu lông đứt gãy hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	124,00	1,50
92	4.49.05.002.000.00.DXX	Bu lông hư hỏng các loại hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	155,00	6,00
93	4.67.07.033.000.00.DXX	Đai ốc mạ kẽm M12 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	220,00	2,40
94	4.84.04.011.000.00.DXX	Khóa cửa cũ, hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	10,00	3,00
95	4.84.14.005.000.00.DXX	Bản lề cửa tủ điện hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	27,00	0,50
96	4.90.80.140.000.00.DXX	Ống thoát chậu hư hỏng (Vật liệu nhựa)	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,01
97	4.90.80.141.000.00.DXX	Cút nối chữ Y hư hỏng (Vật liệu nhựa)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,01
98	4.94.60.029.000.00.DXX	Máy hút mù dầu ô liên hợp, Model HQF – II; Công suất 1 kW; Bơm chân không ở 1200 m3/h; Điện áp 380V/50 Hz; Độ ồn động cơ ≤ 60db	Bộ	Kho Huội Quảng	2,00	
98.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			2,00
98.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			130,00
98.3		Vật liệu bằng xốp, ni	Kg			9,00
99	4.94.60.030.000.00.DXX	Máy hút mù dầu ô liên hợp (Model HQF - IV; Công suất 0.5kW; Bơm chân không ở 400 m3/h; Điện áp 380V/50 Hz; Độ ồn động cơ ≤ 60db)	Bộ	Kho Huội Quảng	2,00	
99.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			2,00
99.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			80,00
99.3		Vật liệu bằng xốp, ni	Kg			9,00
100	4.94.60.050.000.00.DXX	Máy hút bụi chổi than hư hỏng (Công suất 1,18kW; Lưu lượng 800m3/h; Điện áp 380VAC; Tần số 50Hz)	Chiếc	Kho Huội Quảng	2,00	
100.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			1,00
100.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			150,00
100.3		Vật liệu bằng xốp, ni	Kg			9,00
101	4.96.20.006.000.00.DXX	Vỏ chai tạo khói hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,20

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
102	4.96.80.130.000.00.DXX	Màn hình máy tính bàn; mã hiệu S1932 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	1,50
103	5.01.04.007.000.00.DXX	Vòng bi quạt thông gió hư hỏng (tình trạng bị mờ không rõ mã hiệu)	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,01
104	5.18.36.034.000.00.DXX	Động cơ bơm nước hư hỏng tại TPP 220 kV hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	3,00
105	5.18.36.041.000.00.DXX	Động cơ di chuyển xe lớn cầu trục CNN Động cơ điện công suất 3,7 kW, tổ hợp hộp đi kèm hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	
105.1		Vật liệu bằng đồng	Kg			2,00
105.2		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			88,00
106	5.19.04.151.000.00.DXX	Van tay gạt Inox (Thực tế nhập kho Van tay DN15) hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	10,00	0,50
107	5.19.04.214.000.01.DXX	Van DN50 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	10,00
108	5.19.04.286.000.00.DXX	Van tay núm vặn hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,10
109	5.19.90.420.CHN.00.DXX	Van an toàn loại lò xo (Đường kính DN25, đường kính lỗ xả DN15, áp lực xả 77bar, áp lực đóng 55 bar) hư hỏng không sử dụng được (Vật liệu chính cấu thành bằng sắt, thép)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	12,00
110	5.19.90.426.000.00.DXX	Van tay 2N1-1C hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN50, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	8,00
111	5.19.90.427.000.00.DXX	Van tay 2N1-4C hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN50, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	8,00
112	5.19.90.428.000.00.DXX	Van tay 2N1-04A hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN50, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	8,00
113	5.19.90.429.000.00.DXX	Van tay 2N1-04B hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN50, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	8,00
114	5.19.90.430.000.00.DXX	Van tay 2N1-10A hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN32, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00
115	5.19.90.431.000.00.DXX	Van tay 2N1-10B hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN32, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00
116	5.19.90.432.000.00.DXX	Van tay 2N2-04A hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN32, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00
117	5.19.90.433.000.00.DXX	Van tay 2N2-04B hư hỏng (Thực tế nhập kho Van tay DN32, PN16)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00
118	5.30.75.021.000.00.DXX	Điều khiển từ xa Badie hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
119	5.30.75.034.000.00.DXX	Quạt làm mát 220VAC hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	1,00
120	5.51.85.140.000.00.DXX	Hộp tủ chữa cháy hư hỏng	Hộp	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
121	5.51.85.150.000.00.DXX	Bộ lọc thô 2L5 hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	33,00
122	5.60.11.001.000.00.DXX	Bánh xe công tác của bơm tháo cạn hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	3,00	100,00
123	5.60.11.001.000.01.DXX	Bánh xe công tác (M13C HLTD) hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	5,00

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho thực tế	Số lượng	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)
124	5.60.11.002.000.00.DXX	Bánh xe công tác của bơm rô ri hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	3,00	110,00
125	5.60.11.022.000.00.DXX	Van một chiều DN100 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	30,00
126	5.60.91.043.000.00.DXX	Bơm vét nước nắp Tuabin hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	2,00	145,00
127	5.60.91.111.000.00.DXX	Vòng bi quạt thông gió; mã hiệu 6206 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,02
128	5.96.00.028.000.00.DXX	Thiết bị đồng bộ thời gian GPS phòng điều khiển trung tâm: Model BSS-3G2UR; Supply 220VAC/DC hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	
128.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			3,00
128.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			2,00
129	5.96.00.029.000.00.DXX	Thiết bị đồng bộ thời gian GPS tử LCU4 (Model BSS-3S2UX Supply 220VAC/DC) hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	
129.1		Vật liệu bằng sắt, thép	Kg			3,00
129.2		Vật liệu bằng nhựa	Kg			2,00
130	5.98.00.051.000.00.DXX	Đồng hồ hiển thị áp lực khí SF6 MTK-01; 0,1~0,9 Mpa hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	2,00	0,40
131	5.98.00.090.000.00.DXX	Hộp giảm tốc và động cơ khuấy hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	140,00
132	5.98.00.132.000.00.DXX	Đầu báo khói mã hiệu AW-CSD311, Asenware hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	4,00	0,20
133	5.98.00.211.000.00.DXX	Module giám sát FMM-1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,20
134	5.98.00.212.000.00.DXX	Module điều khiển FCM-1 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	5,00	0,20
135	5.98.00.214.000.01.DXX	Công tắc hành trình Omron ZC-02155 10A, 250VAC hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
136	8.70.10.006.000.00.DXX	Đồng hồ đo điện áp kích từ hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Đồng hồ đo điện áp kích từ 42C3; 0-450V)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	-
137	8.70.40.010.000.00.DXX	Đồng hồ đo dòng điện kích từ hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Đồng hồ đo dòng điện kích từ 42C3; 0-2500A)	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
138	8.75.80.026.000.00.DXX	Đồng hồ áp lực hư hỏng (Thực tế nhập kho là loại Đồng hồ áp lực Y150)	Cái	Kho Huội Quảng	20,00	15,00
139	8.88.01.002.000.00.DXX	Súng phun sơn hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	4,00	1,00
140	3.94.02.053.000.00.DXX	Bộ thiết bị chuyển đổi và truyền tín hiệu video quang sang tín hiệu điện và ngược lại HL-4V1D-20T/R-1080P hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
141	8.71.82.035.000.00.DXX	Bút thử điện trung áp 277HP hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,20
142	3.80.88.050.000.00.DXX	Điện thoại nhả hiệu Gigaset 802 hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,50
143	3.46.33.068.000.00.DXX	Công tắc tơ; Mã hiệu MC-22b hư hỏng	Cái	Kho Huội Quảng	1,00	0,10
144	3.96.13.053.000.00.DXX	Bộ hiển thị nước lẫn dầu; Ký mã hiệu XOC-01 15PPM BILGE ALARM hư hỏng	Bộ	Kho Huội Quảng	1,00	
144,1		Vật liệu sắt thép	Kg	Kho Huội Quảng		5,00

